TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 366/2026/HC-PT
Ngày 10 tháng 4 năm 2026
V/v: *"Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và quyết định xử phạt vi phạm hành chính".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Các thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Lê Hoàng Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi – Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện công tố và sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Đăng Ry – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 06/2025/TLPT-HC ngày 05/01/2025 về việc: "Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 103/2025/HC-ST ngày 27/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 741/2025/QĐ-PT ngày23 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1987; Địa chỉ: Khu phố D - A, đặc khu P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Võ Tấn T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu phố D - A, đặc khu P, tỉnh An Giang, có đơn xin vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân tỉnh K (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch UBND tỉnh A); Địa chỉ: Số F N, phường R, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh P – Phó Chủ tịch, có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Quách Văn T1 – Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, có đơn xin vắng mặt.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch UBND đặc khu P, tỉnh An Giang); Địa chỉ: Số D, đường C, khu phố B - D, đặc khu P, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê Quốc T2 – Phó Chủ tịch, có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H – Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bộ; Địa chỉ: Số F, đường C, đặc khu P, tỉnh An Giang, có đơn xin vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch UBND đặc khu P, tỉnh An Giang).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê Quốc T2 – Phó Chủ tịch, có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H – Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND, có mặt.

3.3. Ông Võ Tấn T, sinh năm 1983, có đơn xin vắng mặt và bà Lê Thị Thu H1, sinh năm 1983, vắng mặt; Cùng địa chỉ: Khu phố D - A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn L – Là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Văn L và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Nguyên vào năm 2021, vợ chồng ông Võ Tấn T và bà Lê Thị Thu H1 có cho tặng ông L một mảnh đất có diện tích là 70m^2 (chiều ngang 6m, chiều dài 10m) và 216m^2 (chiều ngang 12m, chiều dài 18m), tọa lạc tại tổ G, khu phố D, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Nguồn gốc đất là do ông Đậu Xuân G khai phá và sử dụng từ năm 1987, đến năm 1993 thì ông G cắt ra một phần diện tích khoảng 3ha cho lại em mình là ông Nguyễn Văn T3 sử dụng. Đến năm 2007, ông T3 sang nhượng lại cho vợ chồng ông T sử dụng ổn định từ đó đến nay. Nhưng vào năm 2008, vợ chồng ông T phát hiện toàn bộ mảnh đất gần 3ha mua của ông T3 đã bị Ủy ban nhân dân tỉnh K (viết tắt UBND tỉnh K) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bộ Hải quân, nên vợ chồng ông T đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND tỉnh K cấp ngày 29 tháng 6 năm 2006 cho Vùng 5 Hải quân, vì lý do: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này vi phạm luật đất đai. Trong quá trình vợ chồng ông T khởi kiện, UBND tỉnh K đã cho Sở T4 kiểm tra, rà soát lại việc cấp giấy nêu trên và xác nhận việc cấp giấy cho Vùng 5 Hải quân năm 2000 và năm 2006 là sai vì tại thời điểm cấp giấy đã không ra Quyết định thu hồi đất và bồi thường cho ông G hay ông T3 hoặc bà H1 (vợ ông T) tại Báo cáo số: 113/BC-STNMT ngày 24/4/2919. Từ đó UBND tỉnh K đã ra Quyết định số: 1787/QĐ-UBND ngày 08 tháng

8 năm 2019 thu hồi giấy chứng nhận đã cấp cho Vùng 5 Hải quân năm 2000 và 2006 tại vị trí đất nêu trên.

Sau khi UBND tỉnh K ra Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Vùng 5 Hải quân, vợ chồng ông T đã tiến hành cho xây tường rào bao quanh đất để tránh tình trạng tranh chấp về sau. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng tường rào, vợ chồng ông T lại bị UBND huyện (nay là thành phố) P ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 4.000.000 đồng và yêu cầu tháo dỡ tường rào xây dựng vì lý do vợ chồng ông T bao chiếm đất quốc phòng. Sau đó ông T đã khởi kiện yêu cầu hủy quyết định đó, vì lý do là đất này vợ chồng ông T có nguồn gốc sử dụng hợp pháp từ trước khi UBND tỉnh K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Vùng 5 Hải quân năm 2000 và tại thời điểm ông T xây dựng thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Vùng 5 Hải quân đã bị thu hồi nên ông T không có hành vi bao chiếm đất quốc phòng.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đưa vụ án hành chính nêu trên ra xét xử, tại Bản án số: 19/2020/HC-ST Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tuyên: *"Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, tuyên hủy quyết định số 4467/QĐ - XPVPHC của UBND huyện P"* vì Tòa án cho rằng: *"Có căn cứ khẳng định nguồn gốc sử dụng đất của vợ chồng ông T là có từ năm 1987, bắt nguồn từ ông Đậu Xuân G khai phá, sử dụng, sau đó cho lại ông T3 và ông T3 bán lại cho bà H1 (vợ ông T) sử dụng ổn định đến nay là dúng, ông Võ Tấn T không có hành vi bao chiếm đất quốc phòng"*. Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tuyên án, Vùng 5 Hải quân đã kháng án, ngày 17 tháng 11 năm 2020 Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm bằng Bản án số: 694/2020/HC-PT tuyên y án sơ thẩm, không chấp nhận kháng án của Vùng 5 Hải quân, công nhận nguồn gốc sử dụng đất của vợ chồng ông T và hủy quyết định xử phạt vi phạm hành chính của UBND huyện P.

Sau khi có Bản án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh vợ chồng ông T đã cắt ra 02 phần nêu trên (trong tổng diện tích gần 3ha nêu trên) cho tặng ông sử dụng, trên phần đất 70m^2 ông đã cất 01 căn nhà xây, trên phần đất 216m^2, ông đã cất 01 căn nhà tiền chế, đã hoàn thiện và vào ở từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay. Nhưng ngày 10/4/2023 UBND phường A đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông vì cho rằng ông có hành vi bao chiếm đất quốc phòng quản lý.

Đến ngày 19/5/2023 ông L nhận được Quyết định số: 1767/QĐ-XPHC ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố P xử phạt ông số tiền là 65.000.000 đồng, buộc ông tháo dỡ toàn bộ công trình trả lại hiện trạng vì đã có hành vi: Bao chiếm và xây dựng trái phép đất phi nông nghiệp do Vùng 5 Hải quân quản lý với diện tích 215m^2 và 68,1m^2 theo Quyết định số: 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh K.

Nhận thấy toàn bộ khu đất gần 3ha của vợ chồng ông T (trong đó có phần đất cho tặng ông) đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh công nhận là có nguồn gốc sử dụng hợp pháp từ năm 1987, bắt nguồn từ việc khai khẩn của ông Đậu Xuân G tại Bản án số: 694/2020/HC-PT ngày 17/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 19 tháng 3 năm 2021, UBND tỉnh K mới ký Quyết định số 706/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày

08/8/2019, trong đó: Tại khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 706 lại giao khu đất có diện tích 151.073m^2 (trong đó có phần diện tích của ông T và phần diện tích ông T cho ông đã được Tòa án công nhận là có nguồn gốc sử dụng đất hợp pháp trước năm 1993) giao cho V 5 Hải quân tạm quản lý là làm trái với Bản án đã có hiệu lực thi hành của Tòa án. Từ đó, việc UBND thành phố P căn cứ vào Quyết định số: 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh K và cho rằng ông có hành vi bao chiếm đất Vùng 5 Hải quân quản lý là không đúng.

Việc UBND tỉnh K ban hành Quyết định số: 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 và Chủ tịch UBND thành phố P ra Quyết định số: 1767/QĐ-XPHC ngày 09 tháng 5 năm 2023 nêu trên đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L. Do đó ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số: 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh K và hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 1767/QĐ-XPHC ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố P.

Tại Văn bản số 28/UBND-NC ngày 03/01/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh K trình bày như sau:

- Đối với Quyết định số: 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh K về việc điều chỉnh Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh K:

Nguồn gốc diện tích đất 236.117m^2 tại khu phố D, thị trấn A, huyện P nằm trong khu đất do Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân (sau đây gọi tắt Vùng 5 Hải quân) tiếp quản của chế độ cũ từ năm 1975.

Năm 1996, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số: 872/QĐ-TTg về việc phê duyệt quy hoạch đất quốc phòng do quân đội quản lý, trong đó có diện tích 236.117m^2 đất nêu trên. Đến năm 2000, UBND tỉnh K ra Quyết định số 2254/QĐ-UB về việc giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P852445, số vào sổ T00012 QSDĐ/KG cho Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân với diện tích 236.117m^2.

Đến năm 2006, UBND tỉnh K ra Quyết định số: 917/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 về việc thu hồi đất và tạm giao diện tích đất 85.044m^2 (trong 236.117m^2) cho Vùng 5 Hải quân để làm dự án khu nhà ở gia đình cán bộ; đồng thời thu hồi Giấy chứng nhận số P852445 ngày 20/11/2000 và cấp lại cho V 5 Hải quân Giấy chứng nhận mới số AD488980 ngày 29/6/2006, diện tích 151.073m^2 (sau khi trừ đi diện tích 85.044m^2).

Ngày 08/8/2019, UBND tỉnh K ra Quyết định số: 1787/QĐ-UBND, hủy bỏ Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của UBND tỉnh K. Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của UBND tỉnh K là Quyết định thu hồi giấy cũ để thực hiện cấp lại giấy mới cho Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân, không phải là quyết định thu hồi đất và có giao cho UBND huyện P (nay là thành phố P) chỉ đạo UBND thị trấn A (nay là phường A) quản lý chặt chẽ 02 khu đất cho đến khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân theo quy định.

Ngày 19/3/2021, UBND tỉnh K ra Quyết định số: 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 về việc điều chỉnh Điều 2 tại Quyết định số: 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của UBND tỉnh K để thực hiện cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bộ. Việc

UBND tỉnh K ra Quyết định số: 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 và Quyết định số: 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 (điều chỉnh Điều 2 Quyết định số: 1787/QĐ-UBND) là đúng quy định tại điểm b khoản 56 Điều 2 Nghị định số: 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

- Đối với Quyết định số 1767/QĐ-XPHC ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố PQuốc, đề nghị yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố P có ý kiến.

- Theo nội dung tại Thông báo số: 192/2023/TLST-HC ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thì ông Nguyễn Văn L chưa cung cấp sơ đồ vị trí kèm theo, thể hiện rõ tọa độ, vị trí khu đất, nên chưa có cơ sở xác định vị trí diện tích đất của ông L khiếu kiện.

Từ các cơ sở trên, việc ông Nguyễn Văn L yêu cầu hủy Quyết định số: 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh K là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Văn bản số: 1628/UBND-NCPC ngày 16/8/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày như sau:

Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số: 1767/QĐ-XPHC ngày 09 tháng 5 năm 2023 về xử phạt vi phạm hành chính là hoàn toàn có cơ sở và đúng theo quy định của pháp luật, cụ thể:

Ngày 10/4/2023, Công chức Địa chính - Xây dựng Ủy ban nhân dân phường A đã phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành đo đạc, kiểm tra thực tế thửa đất diện tích 215,1m^2 do ông Nguyễn Văn L chiếm đất phi nông nghiệp (đất quốc phòng) tại khu vực đô thị do Bộ Tư lệnh Vùng 5 hải quân quản lý. Toàn bộ diện tích ông Nguyễn Văn L chiếm nằm trong Quyết định số: 706/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc điều chỉnh Quyết định số: 1787/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh K.

Ngày 10/4/2023, Công chức Địa chính - Xây dựng Ủy ban nhân dân phường A lập Biên bản làm việc đối với ông Nguyễn Văn L. Ông Nguyễn Văn L trình bày nguồn gốc đất là bà Lê Thị Thu H1 và chồng là ông Võ Tấn T cho tặng ông bằng giấy tay vào ngày 12/3/2021 và cung cấp hợp đồng cho tặng đất ông Võ Tấn T, bà Lê Thị Thu H1 và ông Nguyễn Văn L ngày 12/3/2021. (Tại thời điểm cho tặng đất này cho đến nay là đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và việc cho tặng đất này không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận).

Căn cứ vào Quyết định số: 706/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc điều chỉnh Quyết định số: 1787/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh K và kết quả đo đạc, kiểm tra hiện trạng vị trí diện tích đất ông Nguyễn Văn L đang sử dụng là không hợp pháp.

Vì vậy, Công chức Địa chính - Xây dựng Ủy ban nhân dân phường A tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn L. Theo Biên bản vi phạm hành chính số 113/BB-VPHC lập ngày 10/4/2023 của UBND phường A và Biên bản

xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số: 171/BB-XM ngày 28/4/2023 thể hiện ông Nguyễn Văn L thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất diện tích 215,1m^2, loại đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị (đất quốc phòng do Bộ quản lý theo Quyết định số: 706/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh K). Hiện trạng trên đất ông Nguyễn Văn L xây dựng 01 công trình mái che tiền chế, khung sắt, mái lợp tôn với diện tích 215,1m^2. Vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Đến ngày 24/4/2023 lại phát hiện ông Nguyễn Văn L vi phạm. Vì vậy, Công chức Địa chính - Xây dựng Ủy ban nhân dân phường A đã phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành đo đạc, kiểm tra thực tế thửa dất diện tích 68,1m^2 do ông Nguyễn Văn L chiếm đất phi nông nghiệp (đất Quốc phòng) tại khu vực đô thị do Bộ Tư lệnh Vùng 5 hải quân quản lý. Toàn bộ diện tích ông Nguyễn Văn L chiếm nằm trong Quyết định số: 706/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc điều chỉnh Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh K. Cùng ngày 24/4/2023, Công chức Địa chính - Xây dựng Ủy ban nhân dân phường A lập Biên bản làm việc đối với ông Nguyễn Văn L. Ông Nguyễn Văn L trình bày nguồn gốc đất là bà Lê Thị Thu H1 và chồng là ông Võ Tấn T cho tặng ông L bằng giấy tay vào ngày 06/10/2022 và cung cấp hợp đồng cho tặng đất ông Võ Tấn T, bà Lê Thị Thu H1 và ông Nguyễn Văn L ngày 06/10/2022. (Tại thời điểm cho tặng đất này cho đến nay là đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và việc cho tặng đất này không dược cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận).

Căn cứ vào Quyết định số: 706/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc điều chỉnh Quyết định số: 1787/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh K và kết quả đo đạc, kiểm tra hiện trạng vị trí diện tích đất ông Nguyễn Văn L đang sử dụng là không hợp pháp. Vì vậy, Công chức Địa chính - Xây dựng Ủy ban nhân dân phường A tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 142/BB-VPHC ngày 24/4/2023 và Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 183/BB-XM ngày 08/5/2023 thể hiện ông Nguyễn Văn L thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất, diện tích 68,1m^2, loại đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị (đất Quốc Phòng do Bộ quản lý theo Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh K). Hiện trạng trên đất ông Nguyễn Văn L xây dựng căn nhà diện tích 68,1m^2, kết cấu móng đà kiềng bê tông cốt thép, nền lót gạch men, vách tường xây gạch (có vách trong), mái tôn.

Biên bản vi phạm hành chính, Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính được lập đúng mẫu quy định; căn cứ lập Biên bản, người có thẩm quyền lập Biên bản thể hiện tính đầy đủ và rõ ràng; nội dung xác lập hành vi vi phạm hành chính đầy đủ, chính xác đúng quy định của pháp luật.

Theo đó việc ông Nguyễn Văn L tự ý sử dụng diện tích 215,1m^2 và diện tích 68,1m^2 đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Bộ mà không được Bộ Tư lệnh Vùng 5 hải quân cho phép là hành vi chiếm đất, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định số: 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số: 1767/QĐ-XPHC ngày 09 tháng 5 năm 2023: Về thẩm quyền ban hành là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); về trình tự thủ tục ban hành là phù hợp theo quy định tại Điều 57, Điều 66, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); về nội dung là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Chủ tịch UBND thành phố P đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, đồng thời giữ nguyên Quyết định số: 706/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh K và Quyết định số: 1767/QĐ-XPHC ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố P.

Ông Nguyễn Văn L phải chấp hành việc nộp phạt tiền và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định số 1767/QĐ-XPHC ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố P theo quy định tại khoản 1 Điều 73 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020), (Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì vẫn phải chấp hành quyết định xử phạt, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật này. Việc khiếu nại, khởi kiện được giải quyết theo quy định của pháp luật).

Tại Văn bản số: 2715/BTL-PTM ngày 25/6/2024, Bộ trình bày:

Nguồn gốc khu đất: Năm 1975, sau khi giải phóng đảo P, Vùng 5 Hải quân tiếp quản toàn bộ doanh trại, nhà tù của Mỹ, N để lại, quản lý theo chính sách chung của Nhà nước, trong đó có khu đất với diện tích 236.117m^2 (khu đất có liên quan đến đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn L). Năm 1995, Vùng 5 Hải quân lập quy hoạch đất quốc phòng trên địa bàn xã A, huyện P và được Ủy ban nhân dân xã A, Ủy ban nhân dân huyện P xác nhận (nay là phường A, thành phố P).

Ngày 20/11/1996, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 872/QĐ-TTg về việc quy hoạch đất quốc phòng trên địa bàn Quân khu I và giao cho V 5 Hải quân quản lý 14 điểm đất trên địa bàn đảo P trong đó có khu đất với diện tích 236.117,0m^2.

Ngày 20/11/2000, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số: 2254/QĐ-UBND, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng dất số P852445, số vào sổ T00012/QSDĐ/KG với diện tích 236.117,0m^2 cho Vùng 5 Hải quân. Đến năm 2005, Vùng 5 Hải quân quy hoạch xây dựng khu gia đình cho cán bộ trên khu đất với diện tích 85.060m^2/236.117,0m^2.

Ngày 16/6/2006, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số: 917/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và tạm giao đất cho Vùng 5 Hải quân làm dự án khu gia đình (8,5ha); đồng thời tách sổ mới số T00480 ngày 29/6/2006 với diện tích 151.073m^2 (sau khi đã trừ 8,5 ha) và giao cho V 5 Hải quân quản lý (bao gồm đất doanh trại tiểu đoàn 557: 41.168m^2, thao trường huấn luyện của Vùng 5 Hải quân: 109.905m^2).

Ngày 13/11/2007, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số: 2242/QĐ-UBND về phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu nhà ở gia đình quân đội Vùng 5 Hải quân trên địa bàn huyện P, tỉnh Kiên Giang tỷ lệ 1/500, quy mô 8,5ha. Sau đó Vùng 5 Hải

quân đã tổ chức phát dọn mặt bằng khu đất 8,5ha, trong quá trình thực hiện không xảy ra tranh chấp với bất cứ tổ chức, cá nhân nào.

Ngày 15/5/2009, UBND tỉnh K có Công văn số 500, 501, 502 gửi Bộ trưởng Bộ Q, Tổng Tham mưu trưởng Q1, Bộ về việc thỏa thuận chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại A để thực hiện dự án V - Di tích Nhà tù P (trong đó khu vực 8,5ha) và đã được Quốc phòng đồng ý tại Công văn số 2824/BQP-TM ngày 10/6/2009.

Ngày 28/4/2011, Bộ có Tờ trình số 594/TTr-BTL về việc xin chuyển đổi khu vực đất 8,5ha sang khu vực khác để xây dựng khu gia đình quân đội. Trên cơ sở đó, ngày 04/11/2011 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T4 có Tờ trình số 686/TTr-STNMT gửi UBND tỉnh K về việc chấp thuận chủ trương chuyển đổi vị trí khu đất xây dựng khu nhà ở gia đình quân đội của Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân từ khu vực 8,5ha lên khu vực 12,28ha tại ấp S. Hiện nay khu vực 12,28ha tại ấp S đã thực hiện dự án khu gia đình.

- Quá trình lấn chiếm đất quốc phòng của ông Võ Tấn T: Ngày 18/7/2019, Văn phòng UBND tỉnh K có Công văn số: 4214/VP- NCPC về việc giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T4 tham mưu cho UBND tỉnh K thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P852445 cấp ngày 20/11/2000 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD488980 cấp ngày 29/6/2006 cho Vùng 5 Hải quân.

Ngày 26/7/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T4 ban hành Thông báo số 136/TB-STNMT về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P852445 cấp ngày 20/11/2000 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD488980 cấp ngày 29/6/2006 cho Bộ tư lệnh Vùng 5 Hải quân.

Ngày 08/8/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định số 1787/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 20/11/2000 và Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh KGiang.

Ngày 29/8/2019, Sở T4 làm việc với Bộ Hải quân triển khai Quyết định số 1787/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 20/11/2000 và Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 của UBND tỉnh K và triển khai Quyết định số 962/QĐ-STNMT ngày 26/8/2019 của Giám đốc Sở T4 về việc thành lập Đoàn kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đối với Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân.

Ngay khi đang triển khai Quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh K (ngày 29/8/2019); Ông Võ Tấn T đã tiến hành các hoạt động lấn chiếm, phát ranh, cắm trụ bê tông xây dựng trái phép vào khu vực đất quốc phòng do Vùng 5 Hải quân quản lý, vì cho rằng đất của Bộ đã bị thu hồi, mặc dù Bộ Tư lệnh Vùng 5 đã phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn A (nay là Ủy ban nhân dân phường A) ngăn chặn, tiến hành lập biên bản vi phạm nhưng ông T vẫn cố tình bao chiếm. Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân đã rất nhiều lần có công văn đề nghị địa phương giải quyết hành vi lấn chiếm đất quốc phòng của ông T nhưng cho đến nay vẫn chưa được giải quyết dứt điểm.

Tuy nhiên, quy trình triển khai thực hiện quyết định thu hồi của địa phương còn thiếu chặt chẽ về trình tự thủ tục, như: Trước khi ban hành Quyết định thu hồi chỉ căn cứ vào Thông báo số: 136/TB-STNMT ngày 26/7/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T4, chưa điều tra, xác minh, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm tại thực địa vì hiện tại trên khu vực đất bị thu hồi vẫn đang còn doanh trại, kho tàng của Tiểu đoàn 557/Lữ

đoàn 950/QK9 và công sự, trận địa của Bộ; chưa thông báo rõ lý do thu hồi cho Vùng 5 Hải quân, trong khi đó khu đất là đất quốc phòng do Bộ cho thị trấn A (nay là Ủy ban nhân dân phường A) quản lý là chưa phù hợp vì thực tế vẫn đang là đất quốc phòng do Bộ quản lý; hiệu quả ngăn chặn, xử lý việc lấn chiếm trái phép của các đối tượng chưa cao.

Ngày 19/3/2021, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số: 706/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 20/11/2000 và Quyết định số: 917/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 của UBND tỉnh K. Theo đó: *"UBND phường A có trách nhiệm quản lý chặt chẽ khu đất có diện tích 85.060m^2; Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân có trách nhiệm quản lý chặt chẽ khu đất có diện tích 151.073,0m^2 cho đến khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định".* Ngày 06/01/2022, Sở T4 tổ chức triển khai Quyết định số: 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh K và bàn giao tại thực địa cho UBND phường A và Bộ.

Theo kết quả làm việc với Ủy ban nhân dân phường A, Sở T4, Ủy ban nhân dân tỉnh K của Đoàn Thanh tra Bộ Q năm 2021 (Báo cáo số 195/BC-TTr ngày 27/01/2022 của Thanh tra Bộ Q về kết quả kiểm tra công tác quản lý, sử dụng đất quốc phòng của Q2 trên địa bàn thành phố P, tỉnh Kiên Giang): Việc bà Lê Thị Thu H1 nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T3 năm 2007 khi diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Vùng 5 Hải quân là trái pháp luật. U sẽ chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố P tiếp tục lập hồ sơ, thủ tục xử lý hành vi chiếm đất, xây dựng trái phép của ông Võ Tấn T.

Từ khi tiếp quản khu đất (năm 1975) đến khi có quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân đã quản lý, sử dụng liên tục, làm doanh trại đóng quân, thao trường huấn luyện, diễn tập không có tình trạng tranh chấp, lấn chiếm xảy ra trên khu vực.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường A, thành phố P: Không ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Tấn T, bà Lê Thị Thu H1: Không có ý kiến đối với yêu cầu của ông L. Ngày 26/7/2024, ông Võ Tấn T, bà Lê Thị Thu H1 có Đơn yêu cầu độc lập với yêu cầu: Điều chỉnh Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh K theo hướng: bỏ toàn bộ phần diện tích 27.040,1m^2 của ông, bà đang sử dụng ra khỏi phần diện tích 151.073m^2 tạm giao cho Vùng 5 Hải quân quản lý và 85.044m^2 tạm giao cho UBND phường A quản lý. Nếu không điều chỉnh được thì yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh K; hủy khoản 2 của Điều 2 của Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của UBND tỉnh K. Sau đó, ông T, bà H1 đã nộp đơn xin rút lại yêu cầu độc lập.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 103/2025/HC-ST ngày 27/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo đã quyết định:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 158, 193, 194 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 167, Điều 168 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày

15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; điểm b khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai; các Điều 38, 58, 66, 67, 68 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; khoản 2 Điều 3, điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 04/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ; khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về yêu cầu hủy các quyết định:

- Quyết định số: 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh K về việc điều chỉnh Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của UBND tỉnh K;

- Quyết định số: 1767/QĐ-XPHC ngày 09/5/2023 của Chủ tịch UBND thành phố P xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn L.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 27/10/2005, người khởi kiện ông Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L hủy các quyết định: Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh K về việc điều chỉnh Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của UBND tỉnh K; Quyết định số: 1767/QĐ-XPHC ngày 09/5/2023 của Chủ tịch UBND thành phố P xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Văn L là ông Võ Tấn T giữ nguyên kháng cáo và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND đặc khu P, tỉnh An Giang: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông L, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn L làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Người khởi kiện; Người bị kiện; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Về yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét xử không chấp nhận yêu cầu của người

khởi kiện là có căn cứ pháp luật. Người khởi kiện ông Nguyễn Văn L kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn L làm trong thời hạn luật định, hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và có văn bản xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Người khởi kiện ông Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết hủy các quyết định: Quyết định số: 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh K về việc điều chỉnh Quyết định số: 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của UBND tỉnh K; Quyết định số: 1767/QĐ-XPHC ngày 09/5/2023 của Chủ tịch UBND thành phố P xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn L.

Tòa án sơ thẩm thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 3, 30, 32, khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

[3.1] Xét tính hợp pháp của Quyết định số: 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh K:

Nguồn gốc diện tích 236.117m^2 đất tại khu phố D, thị trấn A, huyện P nằm trong khu đất do Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân tiếp quản của chế độ cũ từ năm 1975.

Năm 1996, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số: 872/QĐ-TTg về việc phê duyệt quy hoạch đất quốc phòng do quân đội quản lý, trong đó có diện tích 236.117m^2 đất nêu trên. Đến ngày 20/11/2000, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số: 2254/QĐ-UB, về việc giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P852445, số vào sổ T00012 QSDĐ/KG cho Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân với diện tích 236.117m^2 đất tại khu phố D, thị trấn A, huyện P.

Đến 16/6/2006, UBND tỉnh K ra Quyết định số: 917/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 về việc thu hồi đất và tạm giao diện tích đất 85.044m^2 (trong 236.117m^2 đất) cho Bộ để làm dự án khu nhà ở gia đình cán bộ; đồng thời thu hồi Giấy chứng nhận số P852445 ngày 20/11/2000 và cấp lại (mới) cho Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân Giấy chứng nhận mới số AD488980 ngày 29/6/2006, diện tích 151.073m^2 (đã trừ đi diện tích 85.044m^2).

Ngày 08/8/2019, UBND tỉnh ra Quyết định số: 1787/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 20/11/2000 và Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 lý do trình tự thủ tục cấp giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không

đúng quy định của pháp luật. Tại Điều 2 của Quyết định số: 1787/QĐ-UBND giao Sở Tài nguyên và Môi trường thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân; chỉnh lý hồ sơ theo quy định; giao UBND huyện P chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường A quản lý chặt chẽ 02 khu đất theo quy định (không để tình trạng lấn chiếm, sử dụng trái phép) cho đến khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân theo quy định.

Như vậy, Quyết định số: 1787/QĐ-UBND của UBND tỉnh K thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Bộ Hải quân theo quy định tại điểm b khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ (trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng quy định).

Đến ngày 19/3/2021, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số: 706/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số: 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của UBND tỉnh K.

Tại Điều 1 của Quyết định số: 706/QĐ-UBND đã nêu: *"Điều chỉnh Điều 2 của Quyết định số: 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 như sau: Điều 2. Giao trách nhiệm cho các đơn vị tổ chức thực hiện các công việc sau đây: 1. Sở T4: Phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai Quyết định này của Ủy ban nhân dân tỉnh; thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P852445, số vào sổ T00012QSDĐ/KG ngày 20/11/2000 với diện tích 236.117m^2 và Giấy chứng nhận mới số AD488980 ngày 29/6/2006, diện tích 151.073m^2 cấp cho Bộ; Thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Bộ T5 lệnh Vùng 5 Hải quân theo quy định sau khi có kết luận kiểm tra của Sở T4 về việc quản lý, sử dụng đất đối với khu đất của Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số: 4214/VP-NCPC ngày 18 tháng 7 năm 2019 được Ủy ban nhân dân tỉnh K thống nhất; Chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định. 2. Ủy ban nhân dân thành phố P: Chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường A quản lý chặt chẽ khu đất có diện tích 85.041,0m^2 theo quy định (không để tình trạng lấn chiếm, sử dụng trái phép và kịp thời xử lý nghiêm các hành vi vi phạm) cho đến khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định; 3. Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân có trách nhiệm quản lý chặt chẽ khu đất có diện tích 151.073,0m^2 cho đến khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định".*

Do đó, có đủ căn cứ xác định UBND tỉnh K ban hành Quyết định số: 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 và Quyết định số: 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 là có căn cứ, đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; điểm b khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

[3.2] Xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của Quyết định số: 1767/QĐ-XPHC ngày 09/5/2023 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn L:

Ngày 10/4/2023, UBND phường A lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 113/BB-VPHC lập và Biên bản làm việc số: 112/BB-LV lập ngày 10/4/2023 của UBND phường A đã xác định: Tại vị trí đất vi phạm thuộc tổ G, khu phố D, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang phát hiện ông Nguyễn Văn L chiếm đất phi nông nghiệp đất quốc phòng do Bộ Tư lệnh vùng 5 hải quân quản lý tại khu vực đô thị với diện tích 215.1m^2 tương đương 0,02.151 héc ta. Hiện trạng trên đất ông L đã làm một mái che tiền chế (khung sắt lợp tôn) diện tích 215,1m^2. Quy định tại điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số: 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Đến ngày 24/4/2023, UBND phường A lập biên bản làm việc số 141/BB-LV và biên bản đo đạc kiểm tra hiện trạng xác định khu đất ông L thừa nhận đang sử dụng và chỉ ranh tại vị trí khu đất thuộc khu D, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Hiện trạng trên đất có một căn nhà đã xây dựng hoàn thiện, diện tích 68,1m^2, kết cấu một tầng trệt, một tầng lầu, móng đà kiềng bê tông, cốt thép, vách tường xây gạch có vách trong, nền lót gạch men, cột gạch, mái tôn. Công trình đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng trong năm 2022.

Do ông Nguyễn Văn L tự ý sử dụng diện tích 215,1m^2 và diện tích 68,1m^2 đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Bộ mà không được Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân cho phép là hành vi chiếm đất, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định số: 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Vì vậy, ngày 09/5/2023, Chủ tịch UBND thành phố P đã ban hành Quyết định số 1767/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn L do có các hành vi vi phạm: (1) Ngày 10/4/2023, chiếm đất phi nông nghiệp (đất Quốc phòng do Bộ quản lý theo Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh K) tại khu vực đô thị với diện tích 215,1m^2; (2) Ngày 24/4/2023, chiếm đất phi nông nghiệp (đất Quốc phòng do Bộ quản lý theo Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh K) tại khu vực đô thị với diện tích 68,1m^2, Vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ông L cho rằng việc xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND thành phố P là không đúng quy định của pháp luật vì vào năm 2021 ông L được vợ chồng ông Võ Tấn T và bà Lê Thị Thu H1 có cho tặng ông một mảnh đất có diện tích là 70m^2 (chiều ngang 6m, chiều dài 10m) và 216m^2 (chiều ngang 12m, chiều dài 18m), tọa lạc tại tổ G, khu phố D, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Về nguồn gốc đất là do ông Đậu Xuân G khai phá và sử dụng từ năm 1987, đến năm 1993 ông G cắt ra một phần diện tích khoảng 3ha cho lại em mình là ông Nguyễn Văn T3 sử dụng. Đến năm 2007, ông T3 sang nhượng lại cho vợ chồng ông T, bà H1 sử dụng ổn định được Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh công nhận tại Bản án số: 694/2020/HC-PT ngày 17/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, tại Bản án sơ thẩm số: 19/2020/HC-ST ngày 02/6/2020 và Bản án phúc thẩm số: 694/2020/HC-PT ngày 17/11/2020 giải quyết vụ án hành chính về "khởi kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính" do ông Võ Tấn T khởi kiện. Vì vậy không phải là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất cho ông Võ Tấn T và bà Lê Thị Thu H1 theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 99 của Luật Đất đai năm 2013.

Mặt khác, bà H1, ông Thành lập hợp đồng cho tặng đất cho ông Nguyễn Văn L ngày 12/3/2021 và ngày 06/10/2022 không có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật. Thời điểm ông T và bà H1 lập hợp đồng cho tặng đất thì ông, bà không có một trong các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Trên thực tế, Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân quản lý đất theo Quyết định số: 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 và Quyết định số: 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh K.

Việc ông L sử dụng đất không có giấy tờ hợp pháp theo quy định của pháp luật đất đai, không được sự đồng ý của Bộ (tổ chức đang được giao quản lý sử dụng đất) cho phép là hành vi chiếm đất phi nông nghiệp (đất Quốc phòng do Bộ quản lý) theo quy đinh tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số: 1767/QĐ-XPHC ngày 09/5/2023, xử phạt vi phạm hành chính đối với ông L theo quy định tại điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 14, Điều 40 của Nghị định số: 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; khoản 4 Điều 23, khoản 2 Điều 38 và các Điều 58, 66, 67, 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số: 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh K về việc điều chỉnh Quyết định số: 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của UBND tỉnh K; Quyết định số: 1767/QĐ-XPHC ngày 09/5/2023 của Chủ tịch UBND thành phố P xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn L là có căn cứ.

[4] Người khởi kiện ông Nguyễn Văn L kháng cáo Bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không chấp nhận kháng cáo của ông L.

Quan điểm của đại diện Viên Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn L kháng cáo không được chấp nhận yêu cầu nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[6] Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 của quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện của ông Nguyễn Văn L

2. Giữ Bản án hành chính sơ thẩm số: 103/2025/HC-ST ngày 27/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang:

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về yêu cầu hủy các quyết định:

- Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh K về việc điều chỉnh Quyết định số: 1787/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của UBND tỉnh K;

- Quyết định số 1767/QĐ-XPHC ngày 09/5/2023 của Chủ tịch UBND thành phố P xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn L.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0008141 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông L đã nộp đủ.

4. Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)